TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ny 02 tháng 02 năm 2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Cao Đình Nhân

- Bà Đinh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ny 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 551/2017/TLST–HNGĐ Ny 29/11/2017 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ Ny 11/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nông Thị Ngọc N, sinh năm 1990; Trú tại: Số nhà 983/6, quốc lộ 20, tổ dân phố 33 (tổ 58 cũ), thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Thượng C, sinh năm 1982; Trú tại: Số nhà 798, quốc lộ 20, tổ dân phố 33 (tổ 58 cũ), thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bà N có mặt, ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nông Thị Ngọc N:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Hoàng Thượng C kết hôn năm 2004, nhưng đến ngày 28/5/2008 mới đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới 05 tháng. Quá trình vợ chồng chung sống khoảng 05 tháng đầu mới cưới có hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C có tính gia trưởng, bà là vợ nhưng không có quyền gì trong gia đình, ông C thường xuyên chửi mắng bà, có lúc còn đánh đập bà. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 5/2017 đến nay, bà về nhà mẹ đẻ của bà

sống, còn ông C và các con vẫn sống cùng với bố mẹ chồng. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà không thể hòa giải đoàn tụ và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông C được nữa. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Thượng C.

- *Về con chung:* Bà và ông C có 02 con chung tên là Hoàng Huyền N, sinh Ny 05/8/2005 và Hoàng Trọng K, sinh Ny 07/4/2008. Hiện nay, các con chung đang sống cùng với ông C và ông bà nội. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cho ông C được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến nay các con thành niên.

- *Về cấp dưỡng:* Do bà không có điều kiện về kinh tế nên bà chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con chung 500.000 đồng/tháng (tổng cộng 02 con chung là 1.000.000 đồng/tháng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2018 cho đến nay các con thành niên.

- *Về tài sản chung:* Bà và ông C không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà và ông C không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Hoàng Thượng C:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Nông Thị Ngọc N kết hôn năm 2004, nhưng đến ngày 28/5/2008 mới đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới 01 năm. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà N có quen biết với một người bạn trên Zalo và đi đám cưới thay cho người này. Ông và bà N đã sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay, bà N về nhà mẹ đẻ của bà N sống còn ông và các con vẫn ở nhà cùng với bố mẹ ông. Giữa hai vợ chồng ông không có xảy ra cãi vã hay đánh đập gì nhau. Ông xác định tình cảm của ông đối với bà N vẫn còn, bà N yêu cầu ly hôn ông, ông không đồng ý, ông có mong muốn đoàn tụ gia đình để các con có cả cha và mẹ.

- *Về con chung:* Ông và bà N có 02 con chung như bà N trình bày là đúng. Hiện nay các con chung đang sống với ông và bố mẹ ông. Trong trường hợp ly hôn, ông yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến nay các con thành niên.

- *Về cấp dưỡng:* Ông đồng ý với mức cấp dưỡng bà N đưa ra là bà N cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 500.000 đồng/tháng (tổng cộng 02 con chung là 1.000.000 đồng/tháng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2018 cho đến ngày các con thành niên.

- *Về tài sản chung:* Ông và bà N không có tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Ông và bà N không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nông Thị Ngọc N cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 bản trích lục kết hôn (bản sao), 01 bản Giấy chứng minh nhân dân của bà N (bản photo Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), 02 bản Bản tự khai của bà N; bị đơn ông Hoàng Thượng C cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 02 bản giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), 01 bản Giấy chứng minh nhân dân của ông C (bản phô tô thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), 02 bản giấy khai sinh con chung, 01 bản sổ hộ khẩu gia đình (bản photo Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), 01 bản tự khai của ông C; các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được gồm có: 02 Biên bản xác minh (bản chính), 02 bản Bản tự khai của các con chung (bản chính).

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 21/12/2017 nhưng không thành. Tại phiên hòa giải ngày 03/01/2018 bà N có mặt, còn ông C vắng mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tống đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự;

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, xử cho bà N và ông C được ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao các con N, K cho ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên; Về cấp dưỡng: Buộc bà N cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con 500.000 đồng/tháng cho đến ngày con chung thành niên; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc: Tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Nông Thị Ngọc N với bị đơn ông Hoàng Thượng C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 02 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà N với ông C là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào Ny 28/5/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Nghiã, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C có tính gia trưởng, bà là vợ nhưng không có quyền gì trong gia đình, ông C thường xuyên mắng chửi và có lúc còn đánh đập bà. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông C. Ông C không đồng ý ly hôn và có mong muốn đoàn tụ gia đình. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà Nông Thị Ngọc N và ông Hoàng Thượng C, kết quả xác minh cho thấy: Vợ chồng bà N và ông C chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, bà N đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ khoảng đầu năm 2017 cho đến nay. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N với ông C đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân của bà N với ông C, tuy nhiên bà N vẫn cương quyết ly hôn, còn ông C có mong muốn đoàn tựu gia đình nhưng ông không có thiện C hoà giải, cũng như biện pháp để giải quyết mâu thuẫn do đó quan hệ hôn nhân giữa bà N với ông C là không thể hàn gắn, bà N với ông C đã sống ly thân từ tháng 5/2017 không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà N về việc xin ly hôn với ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung:* Bà N và ông C có 02 con chung tên là Hoàng Huyền N, sinh ngày 05/8/2005 và Hoàng Trọng K, sinh ngày 07/4/2008. Hiện nay các cháu đang sống với ông C và ông bà nội. Ông C yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cho đến Ny các cháu thành niên, bà N đồng ý giao 02 con chung cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các cháu Huyền N và Trọng K cũng có nguyện vọng được ở với ông C. Vì vậy, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung là phù hợp.

- *Về cấp dưỡng:* Bà N cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 500.000 đồng/tháng (02 con chung là 1.000.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2018 cho đến ngày các con chung thành niên, cấp dưỡng hàng tháng. Ông C đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung này của bà N. Do đó, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Bà N và ông C không có tài sản chung, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về nợ chung:* Bà N và ông C không có nợ chung, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí:* Buộc bà N phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con cung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhận:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nông Thị Ngọc N, xử cho bà Nông Thị Ngọc N với ông Hoàng Thượng C được ly hôn.

- *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của bà N với ông C: Giao các con chung Hoàng Huyền N, sinh ngày 05/8/2005 và Hoàng Trọng K, sinh ngày 07/4/2008 cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

- *Về cấp dưỡng:* Bà Nông Thị Ngọc N cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 500.000 đồng/tháng (02 con chung là 1.000.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2018 cho đến Ny các con chung thành niên, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ Ny người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về án phí:* Bà Nông Thị Ngọc N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc khởi kiện xin ly hôn, và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Bà N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0007076 Ny 29/11/2017 được chuyển thu, bà N còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Bà N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông C vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND TT. L, huyện Đ;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phượng Diễm